

Bản án số: **12/2025/HNGĐ- ST**
Ngày: **28/8/2025**
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Tố Loan.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Phương.**

Ông Quàng Ngọc Tiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Vân Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên;

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Điện Biên tham gia phiên tòa:
Bà **Hoàng Khánh Linh** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2025/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2025 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 12 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lầu Thị D**; sinh năm 1998;

Địa chỉ: Bản N, xã M, tỉnh Điện Biên; chỗ ở hiện nay: Bản H, xã Q, tỉnh Điện Biên, *có mặt tại phiên tòa.*

2. Bị đơn: Anh **Lầu A L**; sinh năm 1994;

Địa chỉ: Bản N, xã M, tỉnh Điện Biên (Hiện đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ), *vắng mặt tại phiên tòa.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/7/2025 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Lầu Thị D trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị Lầu Thị D và anh Lầu A L chung sống như vợ chồng từ tháng 01/2019 nhưng đến 15/02/2019 anh chị mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là xã X, tỉnh Điện Biên), anh chị kết hôn hoàn toàn

tự nguyện, không bị ai ép buộc. Trong thời gian đầu cuộc sống của vợ chồng có hạnh phúc sau đó thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Ngày 25/7/2024 anh L lại bị Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên xử Tử hình về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” (Hiện đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ). Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị D làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên xem xét, giải quyết cho Chị được ly hôn với anh Lầu A L.

2. Về con chung; con riêng:

- Về con chung: Chị Lầu Thị D và anh L1 A L có 02 con chung là cháu Lầu Thị Anh T; sinh ngày 08/6/2019 và Lầu Thị Thu N; sinh ngày 18/02/2023.

- Về con riêng: Anh Lầu A có 01 con riêng là cháu Lầu Thị Thu V; sinh ngày 25/10/2013 vì mẹ đẻ cháu Thu V đã chết trước khi chị D kết hôn với anh L, từ ngày chị D và anh L kết hôn, cháu Thu V do vợ chồng anh chị là người nuôi dưỡng.

Vì hiện nay anh L đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ. Nguyên vọng của chị D sau khi ly hôn Chị sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung và con riêng cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, con riêng: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Chị D khai không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên (nay là Khu vực 2 - Điện Biên) đã gửi thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo các nội dung và yêu cầu cụ thể của chị D cho anh L1 A L biết để anh L thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

Tại biên bản tự khai của đương sự đề ngày 24 tháng 7 năm 2025 bị đơn anh Lầu A L trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Lầu A L và chị Lầu Thị D chung sống như vợ chồng từ tháng 01/2019 nhưng đến ngày 15/02/2019 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là xã X, tỉnh Điện Biên), anh chị kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Trong thời gian đầu cuộc sống của vợ chồng có hạnh phúc sau đó đến ngày 25/7/2024 anh L bị Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên xử Tử hình về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” (Hiện đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ). Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị D làm đơn ly hôn với anh L, anh đồng ý ly hôn với

chị D. Đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên xem xét, giải quyết cho vợ chồng anh. Vì anh L đang chấp hành án không thể đến tham gia xét xử tại Tòa án được, anh L làm đơn xin vắng mặt.

- Về con chung; con riêng.

Về con chung: Anh Lầu A L và chị Lầu Thị D có 02 con chung là cháu Lầu Thị Anh T; sinh ngày 08/6/2019 và Lầu Thị Thu N; sinh ngày 18/02/2023.

Về con riêng: Anh Lầu A có 01 con riêng là cháu Lầu Thị Thu V; sinh ngày 25/10/2013 vì mẹ đẻ cháu Thu V (đã chết), từ ngày anh và chị D kết hôn cháu Thu V do vợ chồng anh chị là người nuôi dưỡng, chăm sóc.

Vì hiện nay anh L đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ. Vì vậy anh đồng ý để chị D nuôi dưỡng các con chung và con riêng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, con riêng: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về và diện tích ruộng: Anh Ly khai không có.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung, con riêng; về quan hệ tài sản như nội dung trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị đã trình bày.

**** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:***

Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán thụ lý đúng thẩm quyền, chấp hành tốt Điều 48 của BLTTDS; xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng; thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng về xây dựng hồ sơ, thu thập chứng cứ đầy đủ, hợp pháp; thông báo cho đương sự và VKS đầy đủ các văn bản tố tụng; sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho VKS nghiên cứu trong thời hạn luật định. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Người tham gia tố tụng: Thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72/BLTTDS.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81 Điều 82, Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lầu Thị D. Đề nghị cho chị Lầu Thị D được ly hôn với anh Lầu A L. Chị Lầu Thị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung và con riêng là các cháu Lầu Thị Anh T; sinh ngày 08/6/2019 và Lầu Thị Thu N; sinh ngày 18/02/2023 và Lầu Thị Thu V; sinh ngày 25/10/2013 cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác. Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ Luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Chị Lầu Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 21/7/2025 chị Lầu Thị D nộp đơn khởi kiện về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn tại Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên đối với anh Lầu A L hiện nay đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ, trước khi bị bắt anh L có địa chỉ tại: Bản N, xã M, tỉnh Điện Biên. Ngày 23/7/2025 chị D đã nộp tạm ứng án phí theo Điều 146 Bộ luật tố tụng Dân sự (sau đây ghi tắt là BLTTDS) và nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án, cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị D theo Điều 195 BLTTDS.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu Ly hôn giữa chị Lầu Thị D và anh Lầu A L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[1.3] Các vấn đề khác: Bị đơn anh Lầu A L hiện đang chấp hành án trong trại tạm giam Công an tỉnh Đ nên quá trình giải quyết Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên không tiến hành hòa giải theo quy định tại Khoản 2 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về hôn nhân: Chị Lầu Thị D và anh Lầu A L chung sống như vợ chồng từ tháng 01/2019 nhưng đến 15/02/2019 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là xã X, tỉnh Điện Biên), anh chị kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Như vậy đã tuân thủ đầy đủ các qui định của pháp luật về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn theo qui định tại Điều 8; Điều 9 Luật hôn nhân gia đình nên quan hệ giữa chị D và anh L là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Trong thời gian đầu cuộc sống của vợ chồng có hạnh phúc sau đó thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống,

không có tiếng nói chung. Ngày 25/7/2024 anh L lại bị Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên xử Tử hình về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” (Hiện đang chấp hành án Trại tạm giam Công an tỉnh Đ). HĐXX thấy rằng bản thân anh L đã không làm tròn trách nhiệm của người chồng, người cha dẫn đến tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh L lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị D.

[2.2] Xét về con chung: Chị D và anh L có 02 con chung và 01 con riêng là các cháu Lầu Thị Anh T; sinh ngày 08/6/2019 và Lầu Thị Thu N; sinh ngày 18/02/2023 và Lầu Thị Thu V; sinh ngày 25/10/2013. Chị D có nguyện vọng sau khi ly hôn sẽ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và con riêng cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác. Chị D không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Ngày 01/8/2025 Toà án nhân dân Khu vực 2- Điện Biên tiến hành lấy lời khai của cháu Lầu Thị Thu V (là con riêng của anh L), trong quá trình lấy lời khai cháu Thu V cũng có nguyện vọng mong muốn được ở với chị D và các em là con chung của chị D và anh L. Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại anh L đang phải chấp hành án, anh không thể có điều kiện nuôi dưỡng các con chung và con riêng. Để đảm bảo quyền lợi cho các cháu và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D. Giao các con chung và con riêng cho chị D là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh L đang chấp hành án không có khả năng cấp dưỡng nên HĐXX chấp nhận việc chị D không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung, con riêng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về quan hệ tài sản: Tài sản riêng, Tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Chị D khai không có. HĐXX không xem xét.

[2.4] Về nghĩa vụ chịu án phí: Áp dụng Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Đ a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Lầu Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81 Điều 82, Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lầu Thị D với anh L1 A Ly

2. Về con chung, con riêng: Giao các con chung và con riêng là các cháu Lầu Thị Anh T; sinh ngày 08/6/2019 và Lầu Thị Thu N; sinh ngày 18/02/2023 và Lầu Thị Thu V; sinh ngày 25/10/2013 cho chị Lầu Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên hoặc khi có thay đổi khác.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung, con riêng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung, con riêng.

3. Về chia tài sản chung; tài sản riêng; nợ phải trả; nợ lấy về; diện tích ruộng: Không có.

4. Về án phí: Chị Lầu Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí DSST chị D đã nộp theo biên lai thu tiền 0000391 ngày 23/7/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2, tỉnh Điện Biên. Chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Lầu Thị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/8/2025).

Anh Lầu A L vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDKV-2ĐB;
- UBND xã Xa Dung, tỉnh DB
(nơi Đăng ký kết hôn);
- Tòa án ND tỉnh DB;
- Phòng THADSKV2, TĐB;
- Lưu VP
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Tố Loan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trần Thị Tố Loan

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDKV2ĐB;
- UBND xã Thanh Nưa,
, tỉnh ĐB (nơi Đăng ký kết hôn);
- Tòa án ND tỉnh ĐB;
- Lưu VP
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Tố Loan

